

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Tuấn Đ trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán năm 2013, đến năm 2016 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố H. Sau cưới vợ chồng sinh sống tại số 8A/473 đường Đ, B 1, phường Đ 2, quận H, thành phố H. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm

sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm, đánh chửi nhau. Anh Đ có đánh chị 3 lần nhưng không gây thương tích. Mâu thuẫn đã được 2 bên gia đình hòa giải xong không có kết quả. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn Đ.

Về con chung: Chị xác nhận có một con là Nguyễn Bảo T, sinh ngày 12/3/2018. Hiện tại con đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con; việc cấp dưỡng nuôi con chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con một tháng 2.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/6/2019, biên bản hòa giải tại Tòa án nhân dân quận Hải An và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Tuấn Đ (bị đơn) trình bày:

Anh Đ công nhận lời khai của chị H về thời gian, điều kiện kết hôn, hình thức kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Tuy nhiên anh vẫn còn tình cảm với chị H, anh muốn vợ chồng đoàn tụ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận có một con là Nguyễn Bảo T, sinh ngày 12/3/2018. Trường hợp ly hôn, anh đồng ý nhường quyền nuôi con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con anh đồng ý đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Bảo T một tháng là 2.500.000 đồng, kể từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; Bị đơn đã không chấp hành qui định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu điều tra có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Tuấn Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn Đ. Về con chung: Cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 12/3/2018, đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Thanh dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị H được trực tiếp nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh Nguyễn Tuấn Đ phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: Chị H, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên kiểm sát viên không đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Tuấn Đ vẫn đang sinh sống, cư trú tại Số 8A/473 đường Đ, tổ dân phố B 1, phường Đ 2, quận H, H. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, H theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng Đ hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Tuấn Đ.

[2] Về hôn nhân: Xét chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Tuấn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố H. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương, trên cơ sở ý kiến của tổ dân phố xác nhận vợ chồng anh Đ và chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong sinh hoạt, lối sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018, không còn quan tâm đến nhau. Anh Đ cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đưa ra được biện pháp gì để hạn chế tình cảm vợ chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh Đ vắng mặt chứng tỏ anh không muốn níu kéo hạnh phúc gia đình. Việc anh không đồng ý ly hôn chỉ kéo dài sự ràng buộc không cần thiết. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh Đ theo khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H, anh Đ xác nhận có 01 con là Nguyễn Bảo T, sinh ngày 12/3/2018. Xét con còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Nên giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 1, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, chị H đề nghị mức 2.500.000 đồng/tháng và anh Đ cũng đồng ý. Vì vậy, anh Đ phải đóng 2.500.000/ tháng kể từ tháng 11 năm 2019 đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Chị H, anh Đ không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H, anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 và khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 3; điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn Đ.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho chị Bùi Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Bảo T, sinh ngày 12/3/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Tuấn Đ phải có nghĩa vụ đóng góp 2.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 11/2019 cho đến khi cháu Nguyễn Bảo Thanh đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Bùi Thị H có đơn đề nghị thi hành án nếu anh Nguyễn Tuấn Đ không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì Hng tháng còn phải thanh toán thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất cơ bản do ngân Ngân Hng nH nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thi hành.

3. Về tài sản chung: Không xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Ký hiệu: AA/2016 số 005063 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hải An, tHnh phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Đ phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đằng Lâm, quận Hải An, TP. Hải Phòng.
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Cường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Hồng Vân Nguyễn Minh Hằng

Nguyễn Ngọc Cường

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đằng Lâm, quận Hải An, TP. Hải Phòng.
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Cường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyễn Minh Hằng

Nguyễn Ngọc Cường

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải 1;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Cường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hiếu Nguyễn Minh Hằng

Nguyễn Ngọc Cường